

ĐẶC ĐIỂM TỰ CƯ - CƠ TẦNG CẤU TRÚC XÃ HỘI CỦA VĂN HÓA ẨM THỰC CHÂU THỔ SÔNG HỒNG

Mai Minh Tân

*Khoa Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam cho người nước ngoài
Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQG Hà Nội*

Trên phương diện đặc điểm tự cư thì do độ chênh lệch nhỏ giữa đồng bằng sông Hồng so với mặt biển và mạng lưới sông ngòi, đầm hồ dày đặc mà quá trình chiếm lĩnh địa bàn cư trú của cư dân châu thổ sông Hồng đã không diễn ra đồng thời mà là một quá trình lâu dài, từ từ và gắn liền với động tác trị thủy. Mặt khác động thái cư trú của cư dân vùng này luôn luôn đi sau động thái khai khẩn đất canh tác. Có thể nói rằng Việt Nam nói chung, châu thổ Sông Hồng nói riêng, về phương diện kiến tạo địa lý, thuộc khu vực thường xuyên biến đổi theo xu hướng lấn ra phía biển Đông, nhờ sự bồi tụ của phù sa sông Hồng. Theo tốc độ lấn biển này mà quá trình khai khẩn đất canh tác và sau nó là quá trình cư trú của cư dân cũng định hình. Theo tài liệu lịch sử thì đến thế kỷ XIX, nhờ khai hoang mà các huyện Tiền Hải (Thái Bình), Kim Sơn (Ninh Bình)... mới được thành lập¹. Quá trình này thậm chí còn được thực hiện ngay cả ở thời kỳ hiện đại và chắc chắn sẽ còn liên tục diễn ra ở tương lai.

Cụ thể là để có được ruộng từ đó mà trồng cấy hoặc chăn thả, người dân châu thổ sông Hồng, khác với các địa phương khác ngay từ xa xưa, bắt buộc phải đắp đê để ngăn nước sông, nước biển, tạo thành cánh đồng cho mình. Sau khi cánh đồng đã hình thành, họ tiến hành canh tác trên cánh đồng ấy và sau một thời gian, để thuận tiện cho sản xuất, họ sẽ tiến hành các động tác định cư lập làng. Người

¹ Quốc sử quán thế kỷ XIX, *Việt sử thông giám cương mục* (chính biên), tập 12, NXB Văn Sử Địa, H.1959, tr.235-242.

dân châu thổ sông Hồng, trước khi làm nhà bắt buộc phải lập thổ theo cách đào đất để tôn cao lên khu vực cần dựng nhà và sinh hoạt như vườn, sân, ngõ... Nơi đào đất sẽ được tận dụng làm ao thả cá. Thao tác để đi đến động thái cư trú này đã khiến cho châu thổ sông Hồng theo bề dày phát triển của lịch sử, dần dần có được một đặc trưng của mô hình cấu trúc địa bàn cư trú và sản xuất gia đình khép kín vườn, ao, chuồng (V.A.C) liên kết với ruộng. Đồng thời cũng chính đặc điểm của động thái hình thành địa bàn cư trú này đã tạo cho châu thổ sông Hồng nói riêng, Việt Nam và Đông Nam Á nói chung có được nét đặc thù riêng là đặc điểm tụ cư của cư dân theo mô hình cấu trúc cộng đồng làng, xã.

Đi đôi với quá trình trị thủy để tạo địa bàn sản xuất và từ đó tạo địa bàn cư trú là làng, người dân châu thổ sông Hồng muốn có được hệ thống giao thông nông thôn (từ làng ra đồng và từ làng này sang làng khác) thì cũng bắt buộc phải đào đất đắp thành đường. Từ đó mà tạo nên một cảnh quan đặc biệt cho châu thổ là hệ thống đê (đê sông, đê biển) cùng các con đường trong thôn và liên thôn. Chính đặc điểm tự có này sẽ tạo nên một bản sắc văn hóa cộng đồng rất rõ trong cư dân mà nhiều nhà nghiên cứu đã gọi là văn minh làng xã hay văn hóa làng. Nét đặc thù văn hóa này sẽ là một cơ tầng vô cùng quan trọng, có ảnh hưởng đến văn hóa ẩm thực của họ trên phương diện giao tiếp cộng đồng.

Nếu đi sâu vào phân tích địa bàn cư trú làng của người dân châu thổ sông Hồng thì chúng ta sẽ thấy rằng: theo cách hiểu thông thường, làng được khuôn viên trong một lũy tre. Thực ra thì làng phải được hiểu theo cả nghĩa rộng lẫn nghĩa hẹp của nó, bao gồm đất làng và ruộng làng để tạo thành hai bộ phận hữu cơ là địa bàn cư trú gắn liền với địa bàn sản xuất. Trên phương diện địa bàn cư trú, làng châu thổ sông Hồng thực sự là khuôn viên của một lũy tre mà trên đó từng gia đình thành viên sẽ có đất thổ cư và thổ canh (vườn, ao, chuồng). Làng Việt, từ đặc điểm tự có đã trình bày ở trên thường được cấu trúc theo những mô hình cơ bản như sau: hình xương cá (phân bố nhà ở thành khối dài và mỏng theo đường cái hoặc dọc bờ sông hay chân đê); hình bàn cờ (chia thành các ô vuông như bàn cờ); hình vành khăn (phân bố thành các hộ giống như vành khăn); và cuối cùng là sự

phân bố lẻ tẻ, các xóm cách biệt nhau bởi những cánh đồng nhỏ hoặc hồ nước, ao, đầm...

Có thể nói, xét trên phương diện cấu trúc xã hội thì đặc điểm tụ cư của dân châu thổ sông Hồng trước hết dựa trên động tác trị thủy. Sau đó là quá trình hình thành theo cấu trúc tự thân dưới áp lực của dân số và quy luật tự nhiên của động thái quần tụ cư dân kết hợp cùng yếu tố huyết thống và nghề nghiệp. Chính vì vậy mà làng Việt đã trở thành một đơn vị cơ bản của cấu trúc xã hội. Nhìn vào một làng Việt truyền thống, người ta có thể hiểu được một cách khá đầy đủ và khái quát về toàn bộ xã hội Việt. Đó chính là bởi vì xét một cách tổng thể thì mỗi một làng Việt sẽ là một đơn vị hành chính độc lập tương đối (có đình làng là trụ sở cùng bộ máy hành chính bao gồm các quan viên và hệ thống hào mục); một đơn vị kinh tế độc lập tương đối (với đồng làng, đất làng và truyền thống sản xuất của làng); một đơn vị quân sự độc lập tương đối (gồm lũy tre làng như một bức thành và hệ thống tráng đinh như quân nhân); một đơn vị văn hóa độc lập tương đối gồm chùa làng, các từ đường như những trung tâm tôn giáo và tín ngưỡng cùng phong tục và lễ hội riêng của làng... Tất cả những đặc điểm này một mặt tạo nên đặc thù khu biệt cho cảnh quan đồng bằng châu thổ sông Hồng trên phương diện văn hóa làng xã; mặt khác cũng tạo nên nét đặc sắc trong truyền thống sinh hoạt và ứng xử của người dân theo tinh thần câu kết cộng đồng rất chặt. Đồng thời trên phương diện văn hóa ẩm thực, cũng chính đặc điểm tự có theo cộng đồng làng này mà trên phương diện truyền thống (đặc biệt là thời Trung đại) và ngay cả ở thời kỳ hiện đại, đã nổi lên một đặc điểm rất rõ nét là chế độ hương ẩm xưa và những ứng xử ẩm thực mang tính cộng đồng ngày nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Duy Anh (1957), *Vấn đề hình thành của dân tộc Việt Nam*, NXB Xây dựng.
2. Đinh Gia Khánh - Cù Huy Cận (1998), *Các vùng văn hóa Việt Nam*, NXB Văn học.

3. Phan Huy Chú (1998), *Lịch triều hiến chương loại chí*, T III, NXB Sử học, H. 1961.

4. Trần Đức (1993), *Nền văn minh Sông Hồng xưa và nay*, NXB KHXH.

5. Lê Sĩ Giáo, *Sự xuất hiện nghề trồng lúa - một vấn đề quan trọng của Dân tộc học*, Tạp chí Dân tộc học, số 1.

6. Diệp Đình Hoa (2000), *Người Việt vùng đồng bằng Bắc Bộ*, NXB KHXH.

7. Vũ Tự Lập (1991), (chủ biên), *Văn hóa và cư dân đồng bằng Sông Hồng*, NXB KHXH.

8. Trần Từ (1989), (chủ biên), *Tìm hiểu cảnh quan đồng bằng*, Viện Đông Nam Á xuất bản.

9. Quốc Sử Quán (1959), *Việt sử thông giám cương mục* (chính biên) T 12, NXB Văn Sử Địa.